

Bản án số: 73/2018/HCPT
Ngày: 12/3/2018
Về việc: " Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;

Ông Vũ Minh Tuấn.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 132/2016/TLPT-HC ngày 08 tháng 9 năm 2017 về việc: " Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2017/HCST ngày ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh HD bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, vụ án có các đương sự sau:

1. **Người khởi kiện:** Bà Vũ Thị N, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn PT, xã GT, huyện GL, tỉnh HD; có mặt.

2. **Người bị kiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện GL, tỉnh HD.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Đỗ Văn S - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện GL, tỉnh HD; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh HD: Ông Nguyễn Dương Th; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1957 (chồng bà N); có mặt.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (con bà N); vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn PT, xã GT, huyện GL, tỉnh HD.

- Anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1986 (con bà N); vắng mặt.

Địa chỉ: Cảng Hàng không quốc tế PQ, tỉnh KG.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đ, chị H: Bà Vũ Thị N; có mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Ủy ban nhân dân xã GT, huyện GL, tỉnh HD: Ông Nguyễn Trường Gi, sinh năm 1960 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã GT; có mặt.

4. **Người làm chứng:**

- Ông Phạm Duy Đ, sinh năm 1979 - Cán bộ địa chính xã GT; địa chỉ: Thôn LX, xã GT, huyện GL, tỉnh HD; có mặt.

- Bà Ngô Thị S - Nguyên kế toán Thôn PT, xã GT; địa chỉ: Thôn PT, xã GT, huyện GL, tỉnh HD; vắng mặt.

5. *Người kháng cáo:* Bà Vũ Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn PT, xã GT, huyện GL, tỉnh HD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2016 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Vũ Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Duy Đ ủy quyền cho bà Vũ Thị N làm người đại diện trình bày:

Năm 2004, gia đình bà được giao 225m² đất canh tác thuộc Tờ bản đồ số 1, thửa 185, khu ĐT, xã GT, gia đình bà đã sử dụng ổn định; năm 2012, Nhà nước thu hồi để xây dựng trụ sở Kho bạc huyện GL. Ngày 04/02/2013, Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện GL (viết tắt là: HĐGPMB) lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà hoa màu và tài sản trên đất mà không bồi thường giá trị đất. Ngày 05/4/2013, UBND huyện GL ban hành Quyết định số 996/QĐ-UBND (viết tắt: Quyết định số 996) phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà hoa màu và tài sản trên đất đối với thửa đất nêu trên. Do không được bồi thường giá trị đất nên bà đã khiếu nại Quyết định số 996 đến Chủ tịch UBND huyện GL. Ngày 09/3/2015, Chủ tịch UBND huyện GL ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2086/QĐ-UBND (viết tắt: Quyết định số 2086) với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 996.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần một, bà N tiếp tục khiếu nại lần hai lên Chủ tịch UBND tỉnh HD. Ngày 11/01/2016, Chủ tịch UBND tỉnh HD ban hành Quyết định số 93/QĐ-UBND (viết tắt: Quyết định số 93) giải quyết khiếu nại lần hai của bà N với nội dung: Công nhận Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2086/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện GL; không công nhận nội dung khiếu nại của bà N.

Ngày 02/11/2016, bà N khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định 2086 của Chủ tịch UBND huyện GL và Quyết định số 93 của Chủ tịch UBND tỉnh HD.

- Ngày 12/12/2016, bà N có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án công nhận quyền lợi hợp pháp của gia đình bà đối với một trong hai thửa ruộng: Thửa 185 tờ bản đồ số 1 diện tích 225m² ở khu ĐT hoặc thửa số 270/16 diện tích 192 m² trước thời điểm dồn ô đổi thửa. Cả hai thửa đất trên Nhà nước đã thu hồi và UBND xã đã nhận tiền bồi thường về đất, gia đình bà chỉ được nhận bồi thường hoa màu trên đất; bà yêu cầu bồi thường thiệt hại về đất theo giá năm 2016.

- Ngày 21/12/2016, bà N tiếp tục có 03 yêu cầu khởi kiện bổ sung: (1) Yêu cầu bồi thường về sản phẩm thu nhập hàng năm đối với diện tích 225m² kể từ khi mất ruộng cho đến nay; (2) yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần bằng 60 triệu đồng, vì từ đầu năm 2004 đến nay bà phải chi phí đi đòi quyền lợi; (3) Đề nghị xem xét việc làm của cơ quan nhà nước đã làm không hợp đồng thuê thầu, thanh lý hợp đồng thuê thầu đối với gia đình bà. Ngày 07/6/2017, bà N xin rút yêu cầu (1) và (2).

Căn cứ khởi kiện của bà N như sau: Năm 1993, khi thực hiện chủ trương giao ruộng canh tác, theo định xuất mỗi khẩu được giao 1 sào 3 thước ($432 \text{ m}^2/\text{khẩu}$); hộ gia đình bà có 04 khẩu được giao ($4 \text{ khẩu} \times 432 \text{ m}^2$) = 1.728 m^2 . Nhưng thực tế gia đình bà được nhận 06 thửa = 1.913 m^2 ngoài đồng và 16 m^2 đất vườn thừa, nghĩa là nhận thừa 192 m^2 ở thửa 270/16 khu ĐT so với tiêu chuẩn được chia. Lý do nhận thừa là vì ruộng xấu đầu lô, đầu xép không ai nhận. Ngày 29/10/1995, UBND huyện GL đã cấp GCNQSD tổng 1.913 m^2 đất canh tác cho gia đình bà, cụ thể: Thửa 134/5 = 576 m^2 ; thửa 134/7 = 288 m^2 ; thửa 170/17 = 124 m^2 ; thửa 270/16 = 508 m^2 ; thửa 134/27 = 225 m^2 và thửa 270/16 diện tích 192 m^2 tại khu ĐT (có Biên bản giao đất năm 1995). Năm 2004 - 2005, khi dồn ô đổi thửa, gia đình bà thực tế chỉ được chia $1.728,0 \text{ m}^2$, thiếu 192 m^2 của thửa 270/16. Bà đã có ý kiến và được cán bộ Địa chính xã lúc đó là ông A, Trưởng thôn là ông Ch chồng bà và Kế toán thôn là bà Sinh giao bù 225 m^2 cũng tại khu ĐT; việc giao bù chỉ nói bằng miệng, không bằng văn bản. Gia đình bà canh tác ổn định đến năm 2012 thì Nhà nước thu hồi để xây dựng trụ sở Kho bạc huyện; nhưng khi thu hồi, xã GT và huyện GL cho rằng 225 m^2 đất đó là đất công điền nên không bồi thường theo giá trị đất 03 mà chỉ bồi thường hoa màu trên đất cho gia đình bà là không đúng. Vì thực tế đất này xã chia bù diện tích ruộng bị thiếu của gia đình bà khi dồn ô đổi thửa. Gia đình bà phải có quyền lợi hợp pháp đối với một trong hai thửa đất nêu trên. Nếu Tòa án xác định gia đình bà có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất nào thì yêu cầu Nhà nước phải bồi thường cho gia đình bà thửa đất đó theo giá trị đất 03 hiện nay.

Liên quan đến Hợp đồng đấu thầu đối với 225 m^2 đất nêu trên: Khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng trụ sở Kho bạc, UBND xã đã lập không Hợp đồng đấu thầu cũng như bản thanh lý hợp đồng này để hợp lý hóa hồ sơ cho rằng đất đó là đất công điền do xã quản lý cho gia đình bà đấu thầu. Việc này, UBND tỉnh đã trả lời khẳng định không có các hợp đồng như vậy. Đề nghị Tòa án xem xét trách nhiệm về hành vi này làm gia đình bà mất quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Nguyễn Văn Ch - chồng bà N trình bày: Ông tham gia công tác địa phương từ năm 1983, làm cán bộ thôn từ năm 2000 - 2015 thì nghỉ. Khi giao đất 03 (năm 1993) và dồn ô đổi thửa (năm 2004 - 2005) ông đều tham gia chia ruộng. Nội dung liên quan đến chia ruộng năm 1993 và dồn ô đổi thửa năm 2004 - 2005 như bà N khai là đúng. Đối với Hợp đồng kinh tế khoán thầu khu ĐT giữa UBND xã GT và cũng như Biên bản thanh lý hợp đồng giao khoán ngày 31/12/2012 liên quan đến thửa ruộng 255 m^2 , ông thừa nhận chữ viết và chữ ký trong các tài liệu trên là của ông nhưng ông chỉ ký để hợp lý hóa diện tích 225 m^2 tạo điều kiện cho công tác đền bù của địa phương. Ông Ch nhất trí với yêu cầu khởi kiện và có cùng quan điểm với bà N.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện GL ủy quyền cho Phó Chủ tịch Đỗ Văn S có ý kiến: Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 01, diện tích 225 m^2 thuộc khu ĐT như người khởi kiện nêu nằm trong diện tích thu hồi để xây dựng trụ sở Kho bạc nhà nước huyện GL, là đất nông nghiệp công điền do UBND xã GT quản lý, giao cho hộ gia đình ông Ch, bà N đấu thầu; hàng năm gia đình ông Ch vẫn giao nộp sản cho UBND xã GT thông qua kế toán thôn. Khi nhà nước thu hồi đất, HĐGPMB huyện, tổ công tác và UBND xã xác minh nguồn gốc đất, lập phương án bồi thường và UBND xã GT đã nhận bồi thường diện tích 225 m^2 thuộc khu

ĐT là đúng quy định. Gia đình ông Ch đã nhận đầy đủ tiền bồi thường hỗ trợ hoa màu, công trình trên diện tích đất này. Do là đất công điền nên gia đình bà N không được bồi thường giá trị đất. Vì vậy, Quyết định giải quyết khiếu nại số 2086 của Chủ tịch UBND huyện GL là đúng và yêu cầu khởi kiện của bà N là không có căn cứ chấp nhận.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND tỉnh HD có ý kiến: Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 93/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 đã đảm bảo khách quan, đúng thực tiễn, diễn biến sự việc, đúng pháp luật. Do công việc bận nên đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và các phiên xét xử của Tòa án các cấp. Đề nghị Tòa án các cấp xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án - UBND xã GT, do ông Phạm Duy Th - Chủ tịch UBND xã GT là người đại diện theo pháp luật xác nhận: Nội dung bà N khai liên quan đến chia ruộng theo Nghị quyết 03 (năm 1993) là đúng. Năm 2004, khi dồn ô đổi thửa ở Đội 5 Thôn PT, xã GT, huyện GL được giao cho cơ sở thôn cụ thể là ông Ch, chồng bà N lúc đó là Trưởng thôn triển khai. Kết quả giao ruộng tại cơ sở 5 Thôn PT được ghi chép tại sổ đã ngoại dồn ô đổi thửa tự lập năm 2003 nhưng chưa được UBND xã lập biên bản giao ruộng cho các hộ theo quy định. Sau khi thực hiện dồn ô đổi thửa, hộ gia đình bà N được giao 04 thửa ruộng tổng diện tích 1.712m², gồm: Thửa số 824, tờ bản đồ số 2, xứ đồng CĐ = 225m²; thửa số 1251, tờ bản đồ số 2 xứ ĐT = 552m²; thửa số 138, tờ bản đồ số 1, xứ ĐT = 124m² và thửa số 845, tờ bản đồ số 2 xứ đồng CĐ = 811m². Thửa số 185, tờ bản đồ số 01 diện tích 225m² tại lô 6, xứ ĐT đội 5 Phúc Tân không thể hiện trong sổ đã ngoại khi dồn ô đổi thửa đối với hộ ông Ch, bà N. Việc các hộ trong nhóm thửa ruộng chỉ xảy ra khi các hộ gia đình được chia ở ruộng xấu: đầu các lô, ruộng xép và chỉ thửa từ 10 - 30m². Thửa 185 diện tích 225m² ở khu ĐT là đất công điền do UBND xã quản lý vì: UBND xã đã quy hoạch toàn bộ các thửa ruộng nằm cạnh đường 17 (Quốc lộ 38) dài 240m, chiều sâu 33m, diện tích 7.920m² được thể hiện trong phương án dồn ô đổi thửa 2003. Mặt khác, trong sổ dồn ô đổi thửa đội 5 ngày 27/3/2004 cũng đã thể hiện thửa ruộng trên là ruộng công điền, hàng năm hộ ông Ch vẫn nộp thóc công điền cho UBND xã GT.

Người làm chứng ông Nguyễn Hữu A (Nguyên cán bộ địa chính xã GT) trình bày: Không có việc ông giao bù 225m² đất ở khu ĐT cho gia đình bà N như bà N khai. Khi còn công tác, năm 2004, ông có lập sổ theo dõi đất công điền của xã trong đó thể hiện 225m² đất ở lô 6 ĐT mà hộ ông Ch sử dụng là đất công điền. Khi nghỉ công tác ông bàn giao lại sổ này cho UBND xã quản lý.

Người làm chứng là bà Ngô Thị S trình bày: Bà làm Kế toán hợp tác xã kiêm Kế toán Thôn PT từ năm 1975 đến năm 2015. Khi còn công tác, năm 2004, bà có lập sổ theo dõi đất công điền của đội 5 thể hiện: 225m² đất ở lô 6 ĐT mà hộ ông Ch sử dụng là đất công điền. Hàng năm, hộ ông Ch vẫn nộp thóc công điền theo giá quy định của tỉnh là 40,8 kg/năm; trước năm 2009 là do Trưởng thôn thu, từ năm 2009 - 2012 bà là người thu và có lập sổ theo dõi tổng hợp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2017/HCST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh HD áp dụng: Điều 56, Điều 173, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 18, 29, 30, 31, 38, 39, 40 Luật khiếu nại; Điều 43 Luật Đất đai năm 2003; Điều 16 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 quy

định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà bà Vũ Thị N đã rút, đó là: Yêu cầu bồi thường về sản phẩm thu nhập hàng năm trên thửa ruộng kể từ khi mất ruộng cho đến nay; yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần trong thời gian bà N đi đòi quyền lợi của mình từ đầu năm 2014 đến nay là 60 triệu đồng.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N về việc đề nghị hủy Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện GL, Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh HD; yêu cầu đề nghị Tòa án công nhận quyền lợi hợp pháp của gia đình bà và bồi thường theo giá trị đất 03 hiện nay đối với một trong hai thửa ruộng: Thửa 225m² ở khu ĐT sau khi dồn ô đổi thửa hoặc Thửa đất 270/16 diện tích 192m² trước thời gian dồn ô đổi thửa; đề nghị xem xét cơ quan nhà nước làm không hợp đồng thuê thầu, thanh lý hợp đồng thuê thầu đối với gia đình bà trong thời gian đang tranh chấp đất dẫn đến gia đình bà bị mất đất.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/7/2017, bà Vũ Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên.

Ngày 19/01/2018 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã mở phiên tòa để xét xử vụ án. Do vắng mặt các đương sự lần thứ nhất, theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị thay đổi nội dung kháng cáo từ hủy bản án sơ thẩm sang sửa bản án sơ thẩm, cụ thể: Hủy bỏ hai Quyết định giải quyết khiếu nại số 2086/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện GL và Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh HD và công nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà N đối với 225m² đất ở khu ĐT.

- Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện GL; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh HD đều có Đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày với Tòa án cấp sơ thẩm;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ch có cùng quan điểm với bà N. Ông cho rằng diện tích 225m² bị thu hồi này đã chia cho gia đình từ năm 2005 và thừa nhận không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng.

- Đại diện UBND xã GT, huyện GL - Ông Nguyễn Trường Gi có quan điểm: Khẳng định diện tích 225m² ruộng mà bà N đang khiếu kiện là đất công điền do UBND xã quản lý, sau đó giao thầu cho gia đình ông Ch và bà N. Hàng năm gia đình ông Ch vẫn nộp thóc công điền cho Kế toán của UBND xã. Bản thân ông Ch là cán bộ thôn, trực tiếp tham gia giao đất, dồn điền, đổi thửa. Chính ông Ch cũng đã thừa nhận đó là đất công điền, trực tiếp ký Biên bản kiểm kê, phương án bồi thường. Ông Ch nói bị cán bộ UBND xã lừa ký là không đúng sự thực. Ông Giang nhất trí với Quyết định của UBND huyện GL và

UBND tỉnh HD. Hàng năm gia đình ông Ch vẫn nộp thóc công điền cho kế toán của xã là bà Sinh. Khi ông Ch làm cán bộ thôn và tham gia chia đất, theo như trình bày của ông Ch, đầu lô có diện tích đất xấu không ai lấy nên cho thêm gia đình ông Ch. Diện tích đó Kho bạc không lấy mà là Công ty Sơn Jotun đã lấy. Sau khi dồn điền đổi thửa thì diện tích đất đó đã giao cho hộ gia đình khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

+ Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và Thẩm phán, của các đương sự đúng theo quy định của luật tố tụng hành chính. Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà N thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm.

+ Các đương sự đều thống nhất việc giao khoán là 432m²/khẩu, hộ gia đình bà N có 04 khẩu, được giao 1.929m², giao thừa so với quy định. Năm 2004 dồn điền đổi thửa, gia đình bà N được chia 1.728m². Căn cứ vào các tài liệu, thửa 185 Tờ bản đồ số 1 khu ĐT không có trong biên bản giao đất (BL 164, 165). Năm 2004, UBND xã GT đã quy hoạch toàn bộ diện tích nằm ven Quốc lộ 38 là đất công điền, giao cho các hộ dân đấu thầu. Diện tích này hộ gia đình ông Ch đấu thầu, ông Ch xác định ông có ký vào hợp đầu giao khoán thầu. Bà N xác định ông A giao bù đất cho gia đình bà nhưng ông A khẳng định không có việc giao bù đất. Việc nộp thóc khoán thầu của gia đình bà N, ông Ch được thể hiện tại sổ theo dõi đất công điền của đội 5. Thu hồi đất để xây dựng Kho bạc, bà N đã nhận đủ số tiền được hỗ trợ hoa màu trên diện tích 225m² đất thuộc thửa 185 Tờ bản đồ số 1 khu ĐT là đất công điền do UBND xã GT quản lý. Quyết định 996, UBND huyện GL chỉ hỗ trợ hoa màu cho gia đình bà N là đúng quy định của pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đề nghị hủy 02 Quyết định giải quyết khiếu nại số 2086/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện GL và Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh HD.

+ Đối với yêu cầu đề nghị công nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà đối với diện tích đất đang có tranh chấp. Năm 1993, UBND huyện cấp thừa đất cho gia đình bà N. Việc cấp thừa là không đúng. Năm 2004, dồn điền đổi thửa, cấp 1.728m² cho hộ gia đình bà N, thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ so với định mức giao đất của địa phương. Không có chứng cứ chứng minh đây là diện tích giao bù cho gia đình bà N. UBND huyện GL không thu lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N là không đúng, chính quyền địa phương cần rút kinh nghiệm. Bà N đề nghị xem xét việc chính quyền địa phương làm khống giấy tờ khiến gia đình bà mất đất, đề nghị này Bản án sơ thẩm không xem xét nên cấp phúc thẩm không có căn cứ giải quyết.

+ Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà N, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại và kết quả tranh luận tại phiên tòa; xét kháng cáo của bà N, HĐXX xét thấy:

[1] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hai Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện GL, Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh HD đã được ban hành đúng

thẩm quyền, đúng trình tự và thủ tục theo quy định pháp luật.

[2] Xét về nội dung Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện GL và Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh HD.

[2.1] Theo Nghị quyết của Đảng ủy xã GT vào năm 1993 về việc giao ruộng canh tác, mỗi khẩu nông nghiệp có hộ khẩu thường trú tại địa phương được chia 01 sào 03 thước ruộng (432m^2 / khẩu). Hộ gia đình bà N lúc đó có 04 khẩu, theo quy định sẽ chỉ được giao là 1.728m^2 . Nhưng thực tế tại thời điểm năm 1993 gia đình bà N được chia 1.929m^2 gồm 1.913m^2 đất ngoài đồng và 16m^2 đất vườn thừa. Năm 1995, gia đình bà N được Ủy ban nhân dân huyện Tứ Lộc (nay là huyện GL) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 1.913m^2 đất ngoài đồng, thừa so với quy định là 185m^2 . Năm 2004, thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa, gia đình bà N được chia 04 thửa, tổng diện tích là 1.728m^2 (1.712m^2 ngoài đồng và 16m^2 đất vườn chia liền với đất ở) tuy có thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1995 xong theo đúng định mức, đúng chủ trương, Nghị quyết của Đảng ủy xã GT khi giao ruộng canh tác năm 1993 cho mỗi nhân khẩu trong hộ gia đình tại địa phương (432m^2 /khẩu).

[2.2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ: Thửa số 185, Tờ bản đồ số 01, diện tích 225m^2 tại lô 6 xứ ĐT đội 5 Phúc Tân không có trong biên bản giao ruộng năm 1995 và sổ dã ngoại khi dồn ô đổi thửa đối với hộ ông Ch bà N (BL 165, 164). Năm 2003, UBND xã GT đã quy hoạch toàn bộ các thửa ruộng nằm cạnh đường 17 (QL 38) tổng diện tích bằng 7.920m^2 (trong đó có 225m^2 tại lô 6) là đất công điền do UBND xã quản lý và giao cho một số hộ đầu thầu (BL 163, 160).

[2.3] Theo số liệu thể hiện tại "sổ dồn ô đổi thửa" do Đội 5 lập ngày 27/3/2004 (BL 157-158) và sổ theo dõi diện tích đất công điền thì thửa ruộng trên là ruộng công điền giao cho hộ ông Ch đầu thầu; hàng năm hộ ông Ch đã nộp thóc công điền cho xã GT (BL 85, 86, 88, BL 141, 170). Bản thân ông Ch cũng xác định đó là ruộng công điền do xã giao bù diện tích đất 03 mà gia đình ông còn thiếu khi dồn ô đổi thửa (BL 61); bà N xác định ông A (cán bộ địa chính lúc đó) là người trực tiếp giao bù cho gia đình; trong khi ông A lại khẳng định không có việc đó. Ông Ch, bà N cho rằng chưa bao giờ ông bà nộp thóc công điền như bà Sinh cung cấp; trong khi suốt quá trình chính quyền các cấp tại địa phương giải quyết khiếu nại và khi Tòa án nhân dân tỉnh HD giải quyết vụ án, bà Sinh luôn khẳng định nội dung đất đó là đất công điền và gia đình bà N nhận thầu, nộp sản là đúng và còn được lưu tại các cuốn sổ do bà ghi chép theo dõi.

[2.4] Năm 2012, khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng Kho bạc huyện GL, HĐGPMB huyện GL đã tổ chức xác minh nguồn gốc đất (BL số 99, 100), kiểm đếm diện tích, tài sản trên thửa đất số 185 và lập phương án đền bù, hỗ trợ khi thu hồi đất cho các hộ, trong đó có hộ gia đình bà N (BL 108 - 110) đều xác định là đất công điền. Ông Ch đã nhất trí, ký các biên bản. Ngày 05/4/2013 chủ tịch UBND huyện GL căn cứ vào quy định của UBND tỉnh HD về mức bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và ban hành quyết định số 966/QĐ-UBND v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để xây dựng công trình Kho bạc huyện (BL 107). Ngày 10/4/2014 bà N trực tiếp nhận đủ số tiền được hỗ trợ theo quy định (BL 112, 113).

[3] Như vậy, có căn cứ xác định 225m^2 đất ruộng tại thửa 185 tờ bản đồ

số 1 thuộc khu ĐT là đất công điền do UBND xã GT quản lý. Quan điểm của ông Ch, bà N cho rằng thửa đất số 185, Tờ bản đồ số 01, diện tích 225m² thuộc khu ĐT đã được Nhà nước giao quyền sử dụng lâu dài và yêu cầu được bồi thường giá trị đất khi thu hồi là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy Quyết định số 966 của UBND huyện GL chỉ hỗ trợ hoa màu tài sản đối với hộ bà N là đúng quy định pháp luật. Gia đình bà N không bị thiếu đất nông nghiệp như quan điểm khiếu kiện của Bà. Quyết định giải quyết khiếu nại số 2086 của Chủ tịch UBND huyện GL và Quyết định số 93 của Chủ tịch UBND tỉnh HD không chấp nhận yêu cầu khiếu nại bà N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Sau khi thực hiện chủ trương dồn ô, đổi thửa từ những năm 2004 -2005 cho đến nay, các số ô, số thửa và diện tích đất nông nghiệp của gia đình bà N cũng như các hộ dân khác tại địa phương đã không còn đúng như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1995, xong cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại địa phương đã không chỉnh sửa hoặc thu hồi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp. Đây cũng là một phần nguyên nhân và điều kiện dẫn đến việc công dân sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ để khiếu kiện, nhất là khi có các dự án liên quan đến việc thu hồi đất. Hội đồng xét xử kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện GL và Ủy ban nhân dân tỉnh HD có giải pháp khắc phục.

[5] Bà N đề nghị xem xét việc chính quyền địa phương làm không Hợp đồng thuê thầu, thanh lý Hợp đồng thuê thầu khiến gia đình bà mất đất: Bản án sơ thẩm đã nhận định nội dung này không thuộc thẩm quyền giải quyết nên không xét; mặt khác, đã được Chủ tịch UBND tỉnh HD chỉ đạo Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện GL kiểm điểm, rút kinh nghiệm là phù hợp. Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[6] Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2017/HCST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh HD không chấp nhận yêu cầu khiếu kiện của bà N về việc hủy bỏ hai Quyết định giải quyết khiếu nại số 2086/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện GL và Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh HD là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bà Vũ Thị Năm về việc yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2017/HCST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh HD, hủy bỏ hai Quyết định giải quyết khiếu nại số 2086/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện GL và Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh HD công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà N không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính và Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Vũ Thị N phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Vũ Thị N.

2. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2017/HCST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh HD như sau:

2.1 Áp dụng: Điều 56, Điều 173, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; các Điều 18, 29, 30, 31, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại; Điều 43 Luật Đất đai năm 2003; Điều 16 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

2.2 Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà bà Vũ Thị N đã rút, đó là: Yêu cầu bồi thường về sản phẩm thu nhập hàng năm trên thửa ruộng kể từ khi mất ruộng cho đến nay; yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần trong thời gian bà N đi đòi quyền lợi của mình từ đầu năm 2014 đến nay là 60 triệu đồng.

2.3 Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N về việc: Đề nghị hủy Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện GL và Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh HD; việc đề nghị Tòa án công nhận quyền lợi hợp pháp của gia đình bà và bồi thường theo giá trị loại đất 03 hiện nay đối với một trong hai thửa: Thửa đất số 185, Tờ bản đồ số 01, diện tích 225m² thuộc khu ĐT sau khi dồn ô, đổi thửa hoặc Thửa đất số 270/16 diện tích 192m² trước thời gian dồn ô, đổi thửa; việc đề nghị xem xét cơ quan nhà nước làm không hợp đồng thuê thầu, thanh lý hợp đồng thuê thầu đối với gia đình bà trong thời gian đang tranh chấp đất dẫn đến gia đình bà bị mất đất vì không có căn cứ.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Vũ Thị N phải chịu 200.000đ. Đối trừ vào số tiền 200.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm bà N đã nộp tại Biên lai thu số AB/2014/0000602 ngày 02/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh HD. Bà N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Vũ Thị N phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ bà N đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0001052 ngày 17/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh HD. Bà N đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND cấp cao tại Hà Nội.
- TAND, VKSND tỉnh HD.
- Cục THADS tỉnh HD.
- UBND tỉnh HD.
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HCTP.VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh